

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1013/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018
của huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-TNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 277/TTr-TNMT ngày tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn huyện Thanh Ba với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018:

- Diện tích đất nông nghiệp là 14.656,28 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 10,20 ha. Cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa là 4.253,56 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1,08 ha.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1.470,92 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,48 ha.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 4.978,16 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3,41 ha.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 3.054,84 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 5,61 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 452,81 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,20 ha.

+ Diện tích đất nông nghiệp khác là 46,38 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,58 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.570,22 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 10,20 ha. Cụ thể:

+ Điều chỉnh đất thương mại dịch vụ là 6,00 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,20 ha.

+ Điều chỉnh đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 160,95 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 10,03 ha.

+ Điều chỉnh phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.616,83 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,23 ha.

+ Điều chỉnh đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 97,27 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,20 ha.

+ Điều chỉnh đất có mặt nước chuyên dùng là 210,34 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,40 ha.

- Các chỉ tiêu diện tích khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Thanh Ba đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích theo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (ha)	So sánh
	Tổng diện tích tự nhiên		19.465,35	19.465,35	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	14.666,48	14.656,28	-10,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.254,64	4.253,56	-1,08
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.055,83	3.054,75	-1,08
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.471,40	1.470,92	-0,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.981,57	4.978,16	-3,41

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích theo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (ha)	Số sánh
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	291,56	291,56	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	108,05	108,05	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.060,45	3.054,84	-5,61
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	453,01	452,81	-0,20
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	<i>Đất nông nghiệp khác</i>	NKH	45,80	46,38	0,58
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.560,02	4.570,22	10,20
2.1	Đất quốc phòng	CQP	262,75	262,75	-
2.2	Đất an ninh	CAN	0,88	0,88	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	28,11	28,11	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	6,20	6,00	-0,20
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	150,92	160,95	10,03
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.617,06	1.616,83	-0,23
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	1,62	1,62	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,33	0,33	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.004,46	1.004,46	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	57,71	57,71	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,07	14,07	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,96	2,96	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,21	12,21	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	135,27	135,27	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	97,07	97,27	0,20
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,48	16,48	-
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	1,18	1,18	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,12	11,12	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	929,04	929,04	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	209,94	210,34	0,40
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,64	0,64	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	238,85	238,85	-
4	Đất khu công nghệ cao	KCN	-	-	-

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích theo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (ha)	Số sánh
5	Đất khu kinh tế	KKT	-		-
6	Đất đô thị	KDT	485,53	485,53	-

2. Danh mục công trình điều chỉnh bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018:

TT	Tên dự án	Địa điểm dự án	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào các loại đất							Ghi chú	
				LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	MNC	SKX		DGT
A	Công trình, dự án bổ sung mới trong KHSDĐ năm 2018											
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy gỗ ván ép Thái Ninh	Xã Thái Ninh	10,03	1,78	0,28	6,63	1,11				0,23	VB số 1023/UBND-KTN ngày 22/3/2018 và QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ
B	Công trình, dự án đã được phê duyệt trong KHSDĐ năm 2018, nay xin điều chỉnh											
I	Loại đất thu hồi, chuyển MĐSDĐ theo kế hoạch được duyệt											
1	Dự án trang trại	Khu 1, xã Yên Nội	5,00	0,70		3,22	1,08					
2	Công ty Ga Bảo Hưng	Xã Lương Lễ	0,40						0,40			
3	Các điểm bến thủy nội địa (bến cát)	Xã Sơn Cương	0,15							0,15		
		Xã Hoàng Cương	0,34		0,34							
II	Nội dung điều chỉnh											
1	Dự án trang trại	Khu 1, xã Yên Nội	5,58				5,58					QĐ số 1123/QĐ-UBND ngày 7/7/2017 của UBND huyện
2	Công ty Ga Bảo Hưng	Xã Lương Lễ	0,20					0,20				QĐ số 3266/QĐ-UBND ngày 4/12/2017 của UBND tỉnh
3	Các điểm bến thủy nội địa (bến cát)	Xã Sơn Cương	0,56							0,56		QĐ số 126/QĐ-UBND, ngày 18/1/2018 của UBND tỉnh
		Xã Hoàng Cương	0,54		0,54							QĐ số 3199/QĐ-UBND, ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 theo quy định, tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Ba có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy